

STT	Tên tài sản/ Đơn vị sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Danh mục tài sản
						<ul style="list-style-type: none"> - Có thể lựa chọn tần số: cố định truyền/nhận - Có thể lựa chọn tới 17 vị trí đường cơ sở - Đảo vị trí đường cơ sở - Hiện thị so sánh hai ảnh đen trắng và màu - Khả năng thu phóng: từ 0.8 lần đến 8 lần - Đảo màu trong tạo ảnh thực và ảnh dừng - Tự động điều chỉnh truyền và nhận xử lý bằng thông <p>g. Tạo ảnh họa âm mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có sẵn ở tất cả các ứng dụng lâm sàng - Mở rộng khả năng hiển thị ảnh đối với các bộ phận của bệnh nhân <p>h. Tạo ảnh năng lượng màu mạch máu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ nhạy cao cho các thành mạch nhỏ - Xem lại Cine-loop - Các bản đồ màu - Điều chỉnh riêng lẻ cho việc thu, lọc, độ nhạy, ưu tiên ghi xung và đảo màu - Điều chỉnh vùng ảnh năng lượng mạch máu màu cần quan tâm: kích cỡ và vị trí - Đảo màu trong tạo ảnh thực và ảnh dừng <p>Đầu dò</p> <p>a. Đầu dò Sector tần số dải rộng cho thăm khám tim người lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dải tần số khoảng từ 2.0 đến 4.0 MHz - Số chấn tử: 80 - Trường nhìn: 90 ° - Ứng dụng thăm khám: tim người lớn, tim trẻ em, Doppler xuyên sọ (TCD) - Ứng dụng tạo ảnh: 2D, Doppler liên tục, Doppler xung lái hướng, Doppler màu và Doppler tần số lặp lại xung mức cao – High PRF, Doppler mô, tạo ảnh loại bỏ nhiễu đốm mờ XRES, tạo ảnh hòa âm mô <p>b. Đầu dò Sector tần số dải rộng cho thăm khám tim trẻ em</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dải tần số khoảng từ 3.0 đến 8.0 MHz - Số chấn tử: 96 - Trường nhìn: 90° - Ứng dụng thăm khám: Thăm khám tim trẻ em, tim người lớn - Ứng dụng tạo ảnh: 2D, Doppler liên tục, Doppler xung lái hướng, Doppler tần số lặp lại xung mức cao, Doppler màu, Doppler mô và tạo ảnh loại bỏ nhiễu đốm mờ, tạo ảnh hòa âm mô <p>c. Đầu dò Linear thăm khám mạch máu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dải tần số từ 4.0 đến 12 MHz - Số chấn tử: 128 - Khẩu độ: 34mm - Ứng dụng thăm khám: mạch máu - Ứng dụng tạo ảnh: Xung lái hướng, Doppler màu, tạo ảnh năng lượng màu CPA, tạo ảnh hòa âm mô, tạo ảnh loại bỏ nhiễu đốm mờ, ảnh toàn cảnh - Hỗ trợ sinh thiết <p>Phần mềm thăm khám</p> <p>a. Phần mềm thăm khám tim</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp thể tích theo vùng/chiều dài - Phân suất tổng máu chế độ M (bằng phương pháp hình khối hoặc Teichholz) - Lấy mẫu Simpson điều chỉnh qua 3 điểm - Một hoặc hai bình diện Simpson's và phân suất tổng máu - Vùng, độ dài, thể tích và phân suất tổng máu - Khối thất trái (LV) - 2D tất cả các điểm

STT	Tên tài sản/ Đơn vị sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Danh mục tài sản
						<ul style="list-style-type: none"> - M-mode tất cả các điểm - Vận tốc đỉnh - Gradient áp suất trung bình và cực đại - Áp suất bán thời gian - Tỷ lệ E/A - Độ dốc D/E - Phương trình liên tục - Chẩn đoán chức năng - Cung lượng tim - Thời gian gia tốc
38.	Máy X-quang kỹ thuật số Model: Titan 2000 Dual Plus Hãng sản xuất: VIKOMED Xuất xứ: Việt Nam	Cái	2	2.963.233.000	5.926.466.000	<p>Máy X-quang kỹ thuật số Model: Titan 2000 Dual Plus Hãng sản xuất: VIKOMED Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: từ 2018 trở về sau - Hàng hóa mới 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2003 - Có Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất; Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành sản phẩm trang thiết bị y tế Cấu hình chuẩn gồm: <ul style="list-style-type: none"> - 01 Máy phát cao tần - 01 Bóng phát tia X.quang - 01 Hệ chuyển động của đầu đèn - 01 Cáp cao thế - 01 Bộ chuẩn trực - 01 Giá chụp phổi - 01 Bàn chụp nằm - 01 Hệ thống tấm nhận ảnh kỹ thuật số (02 chiếc/01 bộ) - 01 Trạm làm việc - 01 Máy in phim laser - 01 Hộp phim thử máy - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt Đặc điểm, tính năng và thông số kỹ thuật : Máy phát cao tần: <ul style="list-style-type: none"> - Điện thế tối đa: 150 kVp - Dòng tối đa: 700 mA - Công suất: 50kW - Phương pháp: biến tần (40kHz) - Bước KVP: 1 kVp (40-150 kVp) - 25mA, 50mA, 75mA, 100mA, 125mA, 150mA, 200mA, 250mA, 300mA, 400mA, 500mA, 600mA, 700mA - Dài thời gian: 1.0 msec đến 10 sec - Dài mAs: 0.1 đến 900 mAs - Thông số điều khiển tia X: 04 thông số (kV, mA, mAs, sec) Bóng X-quang: Model: E7252X Hãng sản xuất: Toshiba <ul style="list-style-type: none"> - Điểm hội tụ: 0,6 / 1,2 mm - Điện thế hoạt động: 40-150 KVP (700mA) - Góc tới: 12° - Đơn vị trữ nhiệt : 300.000 HU - Bóng Anode quay - Tốc độ quay: 2700 rpm /50Hz, 3200 rpm/60 Hz. - Dòng cực đại cấp cho đầu đèn : <ul style="list-style-type: none"> + Ở tiêu điểm lớn : 1000mA + Ở tiêu điểm nhỏ: 400mA - Khả năng chịu nhiệt: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu đèn: 1250 KHU + Anode: 300 KHU - Tốc độ làm mát: <ul style="list-style-type: none"> + Anode: 667 KHU/s + Đầu đèn: 16 KHU/min(226HU/s) - Bộ lọc tia mềm: 0.9 mm Al/ 75kV
1	Bệnh viện Hương Sơn	Cái	1			
2	Bệnh viện Thành Phố	Cái	1			

A

STT	Tên tài sản/ Đơn vị sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Danh mục tài sản
						<p>Ống chuẩn trực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu: Đa lá, đảm bảo an toàn, chống rò rỉ tia X - Vùng khu trú tia: Hình chữ nhật hoặc Hình vuông - Phương pháp: Bằng tay - Cửa mở tối đa: 47 cm x 47 cm (SID 100 cm) - Cửa mở tối thiểu: 5 cm x 5 cm (SID 100 cm) - Thời gian chiếu sáng của đèn định vị: 30 giây - Góc quay của ống chuẩn trực: $\pm 180^\circ$ - Dùng đèn Halogen 24V - Công suất tối đa: 150kW - Góc quay của ống chuẩn trực: $\pm 180^\circ$ <p>Cột bóng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều cao cột đỡ bóng: 2000 mm - Khoảng di chuyển của bóng theo trục đứng của cột đỡ : 500 mm - 1800 mm - Khoảng di chuyển vào/ra của bóng: ± 200mm - Khoảng di chuyển dọc theo bàn của cột bóng: 1900mm - Góc quay của bóng quanh trục đòn gang: $\pm 180^\circ$ - Góc quay của bóng quanh trục đứng: $\pm 90^\circ$ - Cấp cao thế: 8 m <p>Bàn chụp nằm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn bucky bốn hướng, cố định vị trí bằng khoá điện từ - Kích thước: (720 x 495 x 2015)mm - Mặt bàn Acrlyc-Grey - Chiều dài của bàn: 2000 mm $\pm 10\%$ - Chiều rộng của bàn: 740 mm $\pm 10\%$ - Chiều cao của mặt bàn: 680 mm $\pm 10\%$ - Dịch chuyển dọc của mặt bàn: ± 600mm $\pm 10\%$ - Dịch chuyển vào ra của mặt bàn: ± 200mm $\pm 10\%$ - Tải trọng: khoảng 150kg <p>Cột chụp đứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước Detector (WxH): (555 x 575) mm. Phù hợp với tất cả các loại tấm cảm biến - Chiều cao của cột: 2014 mm - Phạm vi lên xuống (tại vị trí trung tâm): khoảng 350mm - 1700mm - Điều khiển lên xuống bằng nút bấm trên thân cột hoặc điều khiển từ xa <p>Bộ thu nhận ảnh kỹ thuật số:</p> <p>Hãng sản xuất: Toshiba</p> <p>Tấm nhận ảnh bản phẳng (Công nghệ FPD)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tấm nhận: Kiểu: TFT tấm bản phẳng (FPD) - Giao diện làm việc: cổng Ethenet - Chuyển đổi X-quang: Cesium Iodide (Csl) with Amorphous Silicon (a-Si) Photodiode. - Vùng hoạt động: khoảng 430(H) x 439(V)mm (16.9 X 17.3 inch) - Cỡ Pixel: 143μm x 143μm - Độ phân giải: 3.7 lp/mm - Chuyển đổi A/D: 14bits - Thời gian thu nhận ảnh: 6s - Kích thước: (512 x 495 x 43)mm <p>Trạm làm việc:</p> <p>a. Thiết bị có phần cứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - CPU (tối thiểu) : Core i5, 3.2GHz - Ổ cứng: 500 GB - RAM: 4GB - Card đồ họa cho việc xử lý ảnh: - CD-R/W phục vụ cho việc cài đặt, nâng cấp

Tân

STT	Tên tài sản/ Đơn vị sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Danh mục tài sản
						<p>hệ thống và lưu trữ dữ liệu hình ảnh; Hình ảnh lưu trên CDs bằng phần mềm này trên mọi PC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình LCD, LED: 23 inch. Độ phân giải 1920 x 1080 pixel - Bàn phím và chuột - Hệ thống điều khiển: + Chương trình APR 600 chương trình + Cài đặt thông số: Thông qua các phím mềm + Phương thức điều khiển: điều khiển bằng tay + Tự động bù các tham số kV, mA + Mạch bảo vệ chống quá tải cho bóng X-quang <p>b. Phần mềm xử lý ảnh và tự kiểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường tín hiệu vùng góc cạnh - Cân bằng mức độ tín hiệu - Giảm nhiễu và Hiệu chỉnh độ tương phản - Bộ chống quá tải: bằng vi xử lý - Hiển thị: các thông số hoạt động, tín hiệu báo lỗi và cảnh báo hiển thị trên màn LCD - Chương trình thông số chụp cài đặt trước: > 600 - Bảo mật chương trình bằng mật mã - Chức năng tự kiểm tra: Bằng vi xử lý - Chức năng thông báo lỗi tự động: <p>Các công cụ xử lý ảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Horizontal: Lật ảnh theo chiều ngang - Vertical: Lật ảnh theo chiều dọc - Invert: Chế độ âm bản - L rotate: Quay ảnh ngược chiều kim đồng hồ - R rotate: Quay ảnh theo chiều kim đồng hồ - W/L: Điều chỉnh độ sáng tối - Gama: Điều chỉnh Gama - Enhance: Tải tạo ảnh theo từng bộ phận - Full spine: Ghép ảnh toàn cột sống - Phóng to, thu nhỏ, soi điểm ảnh, di chuyển ảnh, cắt ảnh, thước đo - Giao diện: DICOM 3.0 - Nguồn điện: 380VAC/ 50Hz/ 3 pha - Điều kiện môi trường làm việc: + Nhiệt độ tối đa lên đến 35°C
39.	Máy kéo giãn cột sống lưng cổ Model: HC ALFATRAC Hãng sản xuất: Elettronica Pagani Xuất xứ: Italy	Cái	1	324.383.000	324.383.000	<p>Máy kéo giãn cột sống lưng cổ Model: HC ALFATRAC Hãng sản xuất: Elettronica Pagani Xuất xứ: Italy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: từ 2018 trở về sau - Hàng hóa mới 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008; ISO 13485:2012 - Có Giấy ủy quyền bán hàng của đại lý của nhà sản xuất <p>Cấu hình chuẩn gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Máy chính - 01 Dây nguồn - 01 Bút cảm ứng - 01 Thiết bị dùng khăn cấp - 01 Dây đai vùng ngực - 01 Dây đai vùng lưng - 01 Dây đai kéo cổ - 01 Thanh gá lắp dùng trong kéo cổ - 01 Bàn nâng hạ bằng điện nhập khẩu - 01 Phần mềm ngôn ngữ Tiếng Việt - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt <p>Đặc điểm, tính năng và thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn cung cấp: 110 - 230 V - 50/60 Hz - Công suất tiêu thụ: 80 VA - Tiêu chuẩn an toàn: I lớp B - Kích thước: khoảng (41cm x 42cm x
1	Bệnh viện Hồng Lĩnh	Cái	1			

STT	Tên tài sản/ Đơn vị sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Danh mục tài sản
						<p>18cm), 15 Kg</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình cảm ứng hiển thị màu LCD 480x800 pixel kết hợp cảm ứng. - Phần mềm: Sử dụng hệ điều hành Windows CE, tích hợp ngôn ngữ Tiếng Việt - Cài đặt chế độ kéo cổ hoặc kéo lưng bằng 1 công tắc ở phần bên của thiết bị - 9 phím cứng và 1 núm xoay vô cực có chỉ thị bằng đèn LED - Nhiều chương trình được thiết lập sẵn - Bộ nhớ không giới hạn để lưu trữ phác đồ điều trị do người dùng thiết lập - Phương thức kéo: <ul style="list-style-type: none"> + Kéo liên tục + Kéo lũy tiến + Kéo ngắt quãng + Kéo điều hòa - Điều chỉnh lực kéo: <ul style="list-style-type: none"> + Vùng cổ: khoảng 1-20 kg đối với vùng cổ + Vùng lưng: khoảng 1-90 kg đối với thắt lưng - Thời gian điều trị: có thể điều chỉnh trong khoảng 1- 60 phút - Thiết bị điều khiển dành cho bệnh nhân: 30 chương trình được cài đặt sẵn <p>Giường kéo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài phần chân: 740mm - Chiều dài phần đỡ lưng, hông : khoảng 310mm x 2
40.	Hệ thống đo chức năng hô hấp và trở kháng đường thở bằng phương pháp dao động xung ký Model: Vyntus IOS Hãng sản xuất: CareFusion (Mỹ) Xuất xứ: Đức	Hệ thống	1	1.424.899.000	1.424.899.000	<p>Hệ thống đo chức năng hô hấp bằng phương pháp dao động xung ký Model: Vyntus IOS Hãng sản xuất: CareFusion (Mỹ) Xuất xứ: Đức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: từ 2018 trở về sau - Hàng hóa mới 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2012 - Có Giấy ủy quyền bán hàng của đại lý của nhà sản xuất <p>Cấu hình chuẩn gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Cảm biến nhiệt - 01 Đầu IOS gồm máy phát xung - 01 Trở kháng tham chiếu để chuẩn độ - 01 Cấp mạng - 01 Bơm hiệu chuẩn 3L - 01 Module đo môi trường - 01 Máy tính - 01 Màn hình hiển thị 19 inch TFT - 01 Máy in màu - 01 Xe đẩy - 01 Gói Kẹp mũi dùng 1 lần (100 cái/gói) - 01 Gói Tấm cản nhựa (25 cái/gói): - 01 Gói Bộ lọc khuẩn MicroGard (50 cái/gói): - 01 Phần mềm phân tích và quản lý dữ liệu: - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt <p>Đặc điểm, tính năng và thông số kỹ thuật: Tính năng chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống đo chức năng hô hấp sử dụng cảm biến lưu lượng công nghệ đốt nhiệt, dải đo rộng cho trẻ em đến người lớn, độ chính xác cao. Đo và lưu lại các thông số theo phương pháp thở nhanh, thở chậm, thở gắng sức. - Đo trở kháng đường thở và trở kháng phổi bằng phương pháp IOS (dao động xung ký) : không phụ thuộc nhiều vào sự hợp tác của bệnh nhân, không cần thở gắng sức, thời gian đo và cho kết quả dưới 1 phút. Kết quả đo chính xác, chi rõ tác nghẽn trung tâm hay tắc
1	Bệnh viện Phổi	Hệ thống	1			

STT	Tên tài sản/ Đơn vị sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Danh mục tài sản
						<p>nghe ngoại biên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thông số chuẩn theo guideline tiêu chuẩn mới nhất 2005 ATS/ERS - Sử dụng loại cảm biến đốt nhiệt để cầm tay, dễ thay thế, tích hợp cảm biến áp lực và cấp kết nối cho phép xác định chính xác lưu lượng và thể tích. - Phần mềm: <ul style="list-style-type: none"> + Chạy trên hệ điều hành Windows7 Professional/Ultimate/Enterprise 64 bit, hoặc Windows8 Pro/Enterprise 64 bit hoặc tương đương + Nền tảng dữ liệu: Microsoft SQL Server 2008 R hoặc tương đương + Thiết kế linh hoạt, đơn giản, chỉ dẫn hiệu quả cho cả bệnh nhân và người sử dụng + Có các hình ảnh minh họa chỉ dẫn cách thổi cho bệnh nhi. + Chức năng tìm kiếm dữ liệu bệnh nhân, sửa thông tin, các ghi chú, báo cáo + Có thể điều chỉnh các bảng, đồ thị của kết quả kiểm tra + Các đồ thị hô hấp (lưu lượng, tần số, thể tích...) + Đánh giá mức độ, tiến triển của bệnh + In kết quả dưới dạng bảng so sánh giá trị tốt nhất, giá trị chuẩn, độ sai lệch so với giá trị chuẩn. Các thông số trước và sau khi dùng thuốc. + Có thể kết nối mạng internet và hệ thống thông tin bệnh viện. <p>Các thông số đo:</p> <p>Các chỉ số hô hấp ký:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp ký chậm (Slow Spirometry): VT, ERV, IC, IRV, VCin, VCex, VCmax... - Hô hấp ký gắng sức: FVC, FEV1, FEF25, FEF50, FEF75, PEF, PIF, FEV1%VC... - Thông khí tối đa trong thời gian xác định (Maximal Voluntary Ventilation): MVV, BF, VT,... <p>Chỉ số dao động xung ký:</p> <ul style="list-style-type: none"> + R5Hz: Trở kháng đường thở + AX : Tam giác Goldman + X5Hz: Trở kháng phổi + Fres: Tần số cộng hưởng + D5-20% + VT... <p>Chỉ số môi trường : Áp suất, nhiệt độ, Độ ẩm.</p> <p>Thông số:</p> <p>Đo lưu lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu đo : Cảm biến nhiệt - Khoảng đo: 0 đến ± 20 L/s - Độ chính xác: <ul style="list-style-type: none"> + 0 đến 18L/s ± 2% + 18 đến 20 L/s ± 5% - Độ phân giải: 1μL/s - Trở kháng: < 0.05 kPa (L/s) (0.5cmH2O/(L/s) tại 10 L/s <p>Đo thể tích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu đo: Phần mềm tích phân + Khoảng đo: ± 20 L + Độ phân giải: 1 μL + Độ chính xác: 3% hoặc 0.05L <p>Áp lực miệng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng đo: ± 2 kPa ±15mmHg - Độ chính xác: ± 2% - Độ phân giải: 0.001 Pa <p>Tin hiệu kiểm tra: Xung tín hiệu</p>

STT	Tên tài sản/ Đơn vị sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Danh mục tài sản
						<ul style="list-style-type: none"> - Khoảng cách phát xung: 0.1 – 10 giây - Độ dài của xung: 40 ms - Khoảng tần số của xung: 0 - 100 Hz - Áp lực xung tối đa: 0.3 kPa (3 cmH₂O) - Quang phổ năng lượng: tối đa tại 5 Hz đến - 25 dB tại 50Hz
	Tổng cộng:				29.939.357.000	

Bằng chữ: (Hai mươi chín tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng)

Yên
AK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC: SỐ 02

DANH SÁCH ĐƠN VỊ SỬ DỤNG TÀI SẢN

(Kèm theo Thỏa thuận khung số 05/2018/TTVĐVTCC ngày 20/6/2018 của Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh)

STT	Tên tài sản/ Đơn vị sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I.	SỞ Y TẾ HÀ TĨNH				
1.	Gường bệnh nhân (Model: G - 01 Xuất xứ: Việt Nam)	Cái	200	4.079.000	815.800.000
1	Trạm Y tế Sơn An, huyện Hương Sơn	Cái	5		
2	Trạm Y tế Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn	Cái	3		
3	Trạm Y tế Sơn Lâm, huyện Hương Sơn	Cái	2		
4	Trạm Y tế Sơn Quang, huyện Hương Sơn	Cái	3		
5	Trạm Y tế Sơn Bình, huyện Hương Sơn	Cái	6		
6	Trạm Y tế Sơn Châu, huyện Hương Sơn	Cái	6		
7	Trạm Y tế Sơn Hà, huyện Hương Sơn	Cái	8		
8	Trạm Y tế Sơn Trà, huyện Hương Sơn	Cái	8		
9	Trạm Y tế Sơn Long, huyện Hương Sơn	Cái	6		
10	Trạm Y tế Hòa Hải, huyện Hương Khê	Cái	2		
11	Trạm Y tế Hương Vinh, huyện Hương Khê	Cái	5		
12	Trạm Y tế Hương Xuân, huyện Hương Khê	Cái	3		
13	Trạm Y tế Hương Thủy, huyện Hương Khê	Cái	5		
14	Trạm Y tế Tân Hương, huyện Đức Thọ	Cái	3		
15	Trạm Y tế Đức An, huyện Đức Thọ	Cái	1		
16	Trạm Y tế Đức Quang, huyện Đức Thọ	Cái	5		
17	Trạm Y tế Xuân Đan, huyện Nghi Xuân	Cái	3		
18	Trạm Y tế Xuân Trường, huyện Nghi Xuân	Cái	3		
19	Trạm Y tế Xuân Hải, huyện Nghi Xuân	Cái	2		
20	Trạm Y tế Gia Hạnh, huyện Can Lộc	Cái	3		
21	Trạm Y tế Yên Lộc, huyện Can Lộc	Cái	3		
22	Trạm Y tế Đông Lộc, huyện Can Lộc	Cái	2		
23	Trạm Y tế Thượng Lộc, huyện Can Lộc	Cái	3		
24	Trạm Y tế Phú Lộc, huyện Can Lộc	Cái	2		
25	Trạm Y tế Thạch Hương, huyện Thạch Hà	Cái	4		
26	Trạm Y tế Thạch Ngọc, huyện Thạch Hà	Cái	2		
27	Trạm Y tế Nam Hương, huyện Thạch Hà	Cái	7		
28	Trạm Y tế Thạch Hội, huyện Thạch Hà	Cái	2		
29	Trạm Y tế Thạch Lạc, huyện Thạch Hà	Cái	7		
30	Trạm Y tế Việt Xuyên, huyện Thạch Hà	Cái	4		
31	Trạm Y tế P. Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh	Cái	3		

STT	Tên tài sản/Đơn vị sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
32	Trạm Y tế Thạch Hạ, thành phố Hà Tĩnh	Cái	5		
33	Trạm Y tế Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh	Cái	3		
34	Trạm Y tế Kỳ Thượng, huyện Kỳ Anh	Cái	10		
35	Trạm Y tế Kỳ Sơn, huyện Kỳ Anh	Cái	4		
36	Trạm Y tế Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh	Cái	4		
37	Trạm Y tế Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh	Cái	4		
38	Trạm Y tế Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh	Cái	4		
39	Trạm Y tế Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh	Cái	6		
40	Trạm Y tế Kỳ Đông, huyện Kỳ Anh	Cái	3		
41	Trạm Y tế Đôn BP 172, huyện Kỳ Anh	Cái	4		
42	Trạm Y tế Kỳ Khang, huyện Kỳ Anh	Cái	3		
43	Trạm Y tế Kỳ Hợp, huyện Kỳ Anh	Cái	3		
44	Trạm Y tế Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh	Cái	5		
45	Trạm Y tế Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh	Cái	5		
46	Trạm Y tế Kỳ Hà, thị xã Kỳ Anh	Cái	3		
47	Trạm Y tế Kỳ Hoa, thị xã Kỳ Anh	Cái	6		
48	Trạm Y tế P. Kỳ Liên, thị xã Kỳ Anh	Cái	5		
49	Trạm Y tế Kỳ Nam, thị xã Kỳ Anh	Cái	2		
2.	Tủ đầu giường (Model: TG - 01 Xuất xứ: Việt Nam)	Cái	415	1.492.000	619.180.000
1	Trạm Y tế Sơn An, huyện Hương Sơn	Cái	5		
2	Trạm Y tế Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn	Cái	6		
3	Trạm Y tế Sơn Lâm, huyện Hương Sơn	Cái	6		
4	Trạm Y tế Sơn Diệm, huyện Hương Sơn	Cái	8		
5	Trạm Y tế Sơn Quang, huyện Hương Sơn	Cái	9		
6	Trạm Y tế Sơn Bình, huyện Hương Sơn	Cái	8		
7	Trạm Y tế Sơn Châu, huyện Hương Sơn	Cái	6		
8	Trạm Y tế Sơn Hà, huyện Hương Sơn	Cái	9		
9	Trạm Y tế Sơn Trà, huyện Hương Sơn	Cái	10		
10	Trạm Y tế Sơn Long, huyện Hương Sơn	Cái	10		
11	Trạm Y tế Hòa Hải, huyện Hương Khê	Cái	9		
12	Trạm Y tế Hương Vĩnh, huyện Hương Khê	Cái	9		
13	Trạm Y tế Hà Linh, huyện Hương Khê	Cái	6		
14	Trạm Y tế Hương Xuân, huyện Hương Khê	Cái	6		
15	Trạm Y tế Hương Thủy, huyện Hương Khê	Cái	8		
16	Trạm Y tế Tân Hương, huyện Đức Thọ	Cái	5		
17	Trạm Y tế Đức An, huyện Đức Thọ	Cái	6		
18	Trạm Y tế Đức Quang, huyện Đức Thọ	Cái	9		
19	Trạm Y tế Đức Lạc, huyện Đức Thọ	Cái	8		
20	Trạm Y tế Xuân Đan, huyện Nghi Xuân	Cái	5		
21	Trạm Y tế Xuân Trường, huyện Nghi Xuân	Cái	7		
22	Trạm Y tế Xuân Lam, huyện Nghi Xuân	Cái	2		
23	Trạm Y tế Xuân Hải, huyện Nghi Xuân	Cái	2		
24	Trạm Y tế Cương Gián, huyện Nghi Xuân	Cái	8		